TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THUỶ
TỈNH TH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/DSST
Ngày: 01/11/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ TỈNH TH HÓA

-Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết**.**
*Các hội thẩm nhân dân***:** Ông Yến Văn Bình và ông Đặng Thái Dìn .
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Vân - Thư ký TAND huyện Cẩm thuỷ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thuỷ*** tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Th Hóa. Xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-DS ngày 25/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST ngày 15/10/2019 giữa các đương sự: .

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Th , sinh năm 1980
Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Th Hóa. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Xuân Th, sinh năm 1967.
Chị Phạm Thị Th sinh năm 1971.
Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Tr, xã C, huyện Cẩm Thủy, Th Hóa.
Nơi cư trú: Thôn Ph, xã Phúc Do, huyện Cẩm Thủy, Th Hóa.
Anh Trịnh Xuân Th Vắng mặt. Chị Phạm Thị Th ủy quyền cho anh Trịnh Xuân Th – Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2019.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1979.
Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Th Hóa. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Th trình bày: Giữa gia đình chị và gia đình anh Trịnh Xuân Th có mối quan hệ hàng xóm thân thiết với nhau. Ngày 13/3/2016, thời gian này chồng chị là anh Nguyễn Văn L đi làm không có nhà, anh Th gọi điện cho anh L để hỏi vay tiền đảo sổ ngân hàng. Anh L gọi điện về cho chị đi vay giúp đỡ gia đình anh ấy. Sau đó, anh Th và chị Th đã viết giấy vay với gia đình chị số tiền là 180.000.000đ hẹn trả vào ngày 15/3/2017. Nhưng đến hẹn gia đình anh Th không trả được nên đã viết lại giấy vay tiền ngày 29/6/2017 và hẹn khi nào bán nhà anh chị sẽ trả nợ. Nhưng đến ngày 10/7/2017, anh Th bán nhà chỉ trả được cho chị 18.000.000đ. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình anh Th, chị Th trả cho chị số tiền vay gốc còn lại là 162.000.000đ. Tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Th trình bày: Anh có nhờ chị Th vay hộ số tiền là 180.000.000đ. Đến tháng 7/2017 gia đình anh bán nhà và mới trả được cho chị Th 18.000.000đ. Việc gia đình anh còn nợ lại gia đình chị Th số tiền 162.000.000đ là đúng thực tế. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/5/2019 giữa anh và chị Th đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Nhưng đến ngày 19/5/2019, anh Th xin thay đổi ý kiến. Anh cho rằng thời gian chị Th cho anh vay tiền từ tháng 4/2015, số tiền lãi trả đến tháng 11/2015 (lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 2.000đ/1triệu/ngày). Trong tháng phải trả 10.800.000đ, 07 tháng là 75.600.000đ. Sau đó thấy lãi cao, anh đề nghị chị Th giảm xuống 4,5%/tháng. Từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2016 là 180.000.000đ x4,5%/tháng x 12 tháng = 97.200.000đ. Tổng cộng số tiền lãi anh trả cho chị Th từ tháng 4/2015 đến tháng 11/2016 là 172.800.000đ. Bản thân anh chưa có công việc ổn định, sức khỏe không được tốt, ngón tay cái bên bàn tay phải bị cụt mất 41% sức khỏe nên không có khả năng trả nợ. Anh đề nghị được miễn tiền án phí để ổn định chỗ ở, phục hồi sức khỏe, tìm công việc.

Chị Th trình bày: Chị là vợ của anh Th, việc vay nợ giữa anh Th và gia đình chị Th chị không biết. Đến khoảng tháng 7/2015, chị Th sang nhà chị đưa tờ giấy vay tiền đã viết sẵn cho chị ký số tiền 180.000.000đ. Lãi suất không viết trong giấy mà thỏa thuận giữa hai bên. Chị nghĩ tình nghĩa vợ chồng nên đã ký vào giấy. Đến tháng 12/2015, chị Th lại đến nhà chị đưa cho chị tờ giấy vay tiền giống lần trước chỉ khác ngày tháng vay tiền. Chị Th bảo chị ký lại và hủy tờ giấy vay trước, chị đã ký vào giấy theo ý chị Th. Đến tháng 3/2016, chị Th lần thứ 3 lại tiếp tục thay đổi ngày tháng năm trong giấy vay tiền và yêu cầu vợ chồng chị ký theo ý chị Th. Đến tháng 7/2017, gia đình chị bán nhà, chị Th đã lấy một số vật dụng trong gia đình chị giá

18.000.000đ. Việc gia đình chị vay tiền của chị Th chị thừa nhận là đúng, đến nay gia đình chị vẫn chưa trả hết nợ cho chị Th. Chị ủy quyền cho anh Th trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh là chồng của chị Th. Việc chị Th trình bày gia đình anh Th vay của gia đình anh số tiền 180.000.000đ và đã trả được 18.000.000đ là đúng thực tế. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc gia đình anh Th phải trả cho gia đình anh số tiền vay cả gốc và lãi. Sau khi Tòa án thụ lý, anh ủy qyền cho chị Th có quyền quyết định mọi vấn đề khi Tòa án giải quyết vụ án. Nhưng đến giai đoạn xét xử anh đề nghị chấm dứt việc ủy quyền cho chị Th và tham gia tố tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đinh Thị Th làm đơn khởi kiện anh Trịnh Xuân Th và chị Phạm Thị Th đều có nơi cư trú tại thôn Ph, xã Phúc Do, huyện Cẩm Thủy, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cẩm Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 – Bộ luật TTDS. Bị đơn anh Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Nguyên đơn chị Th vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 – Bộ luật TTDS.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Đinh Thị Th yêu cầu anh Trịnh Xuân Th và chị Phạm Thị Th trả nợ số tiền vay theo giấy vay các bên viết và ký với nhau ngày 15/03/2016 và ngày 29/6/2017. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 – Bộ luật TTDS.

[3]. Về nội dung vụ án: Tại giấy vay tiền mặt ngày 15/3/2016, anh Trịnh Xuân Th và chị Phạm Thị Th đã ký vay của chị Đinh Thị Th số tiền 180.000.000đ, hạn trả ngày 15/03/2017. Đến hạn gia đình anh Th không trả được nợ nên đến ngày 29/6/2017, hai bên ký với nhau vào giấy vay tiền và hẹn trả khi nào gia đình anh Th bán nhà sẽ trả nợ cho chị Th. Đến ngày 10/7/2017, gia đình anh Th bán nhà nhưng vẫn không trả nợ, gia đình anh Th và chị Th đều thống nhất để chị Th lấy tài sản trong gia đình anh Th trị giá 18.000.000đ.

Việc chị Th trình bày gia đình chị vay của chị Th từ tháng 7/2015 và chị ký giấy theo ý của của chị Th. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị là một cán bộ, là giáo viên,

có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức về hành vi cũng như việc làm của mình, chị không xuất trình được chứng cứ để chứng minh. Mặt khác chị cũng đã thừa nhận việc gia đình chị vay tiền của chị Th là đúng đến nay chưa trả hết được số nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Th và chị Th đã thống nhất với nhau về số nợ còn lại chưa trả 162.000.000đ và tính lãi theo quy định của pháp luật. Sau đó anh Th thay đổi ý kiến về thời gian vay cũng như trả lãi cho gia đình chị Th. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh đến Tòa án để làm việc nhưng anh vắng mặt và không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nên không có cơ sở xem xét. Tại giấy vay tiền, các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi. Ý kiến trình bày của anh là mâu thuẫn với nhau. Đối với yêu cầu của anh Th đề nghị được miễn tiền án phí để ổn định chỗ ở, phục hồi sức khỏe, tìm công việc là không có cơ sơ chấp nhận.

Căn cứ vào giấy vay tiền, các bên không có thỏa thuận việc trả lãi. Nay chị Th yêu cầu gia đình anh Th trả nợ và lãi suất theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xem xét mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 – BLDS, để buộc gia đình anh Th phải trả cho chị Th từ ngày 10/7/2017 đến thời điểm trả nợ (thời điểm xét xử) cụ thể là 162.000.000đ x 0,83%/tháng x 28 tháng = 37.649.000đ.

Như vậy, anh Th và chị Th phải có trách nhiệm trả cho chị Th số tiền vay gốc 162.000.000đ và tiền lãi 37.649.000. Tổng: 199.649.000đ.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền 199.649.000đ x 5% = 9.982.000đ

Trả lại cho chị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.000.000đ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 463, 466, 468 và điểm d khoản 3 Điều 140 Bộ luật dân sự. Điều 96, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 – Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị Th, buộc anh Trịnh Xuân Th và chị Phạm Thị Th phải có trách nhiệm trả lại cho chị Th số tiền vay gốc còn lại 162.000.000đ và tiền lãi 37.649.000đ, tổng 199.649.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Th và chị Th không thực hiện nghĩa vụ phải trả như trên, chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, thì anh Th và chị Th phải chịu thêm khoản tiền lãi về số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 - BLDS năm 2015.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sư, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Anh Trịnh Xuân Th và chị Phạm Thị Th phải chịu 9.982.000đ án phí DSST. Trả lại cho chị Đinh Thị Th tiền tạm ứng án phí 4.000.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0006043, ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thuỷ.
- TAND tỉnh Th hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thuỷ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Vũ Thị Ánh Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**